

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/DS-ST.
Ngày: 09/03/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Trọng

Bà Trần Thị Bạch Đằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2026/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Tuấn P, sinh ngày 01/01/1970 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số:, ngày cấp 10/5/2021.

Địa chỉ: ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Phúc N, sinh năm 1991, là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 28/10/2025 (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: 1/ Ông Phạm Hùng C, sinh ngày 01/01/1968 (Có mặt)

Căn cước công dân số:, ngày cấp 10/5/2021.

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà Bùi Thị T, sinh ngày 01/01/1970 (Có mặt)

Căn cước công dân số:, ngày cấp 20/08/2021.

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 05/01/2026, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Dương Phúc N trình bày:

Nguyên vào ngày 30/02/2022 âm lịch thì ông Phạm Hùng C và bà Bùi Thị T có vay của ông Lâm Tuấn P số tiền là 120.000.000 đồng, hai bên tự thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Mục đích ông C, bà T vay là để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, hai bên có thỏa thuận với nhau thời hạn trả tiền vay kể từ ngày 30/02/2022 âm lịch cho đến ngày 30/02/2023 âm lịch thì ông C và bà T sẽ trả lại đủ số tiền cho ông P, lãi suất thỏa thuận đóng hàng tháng. Việc nhận tiền là do chính tay ông C, bà T nhận tiền một lần. Việc vay tiền có làm tờ biên nhận do chính tay ông C, bà T viết, ký tên vào tờ biên nhận, và có xác nhận của Trưởng Ban N1 là ông Nguyễn Văn H.

Sở dĩ trong tờ biên nhận vay tiền ngày 30/02/2022 âm lịch ghi tờ cổ đất, lúc ban đầu ông C, bà T định cố cho ông P phần đất có diện tích chiều ngang 5m, chiều dài 20m, đất tọa lạc ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ với số tiền 120.000.000 đồng, nhưng do phía ông C, bà T không giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất cho ông P để đảm bảo làm tin. Nên hai bên không thống nhất với nhau chỉ thỏa thuận thực hiện giao dịch vay tiền chứ không cầm cố.

Thể hiện từ ngày 30/02/2022 âm lịch đến ngày 07/02/2025 âm lịch thì vợ chồng ông C và bà T đã đóng lãi cho ông P, mức lãi suất là 1%/tháng, sau đó thì ngưng đóng lãi cho ông P, ông P đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C và bà T trả lại số tiền vay nhưng vợ chồng ông C và bà T cứ hứa lần nhưng không trả cho ông P.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Lâm Tuấn P yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Ông P yêu cầu ông Phạm Hùng C, bà Bùi Thị T có trách nhiệm phải trả cho ông số tiền nợ vay là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) mà ông C, bà T đã vay của ông ngày 30/02/2022 ÂL.

+ Ông P yêu cầu ông C, bà T phải trả cho ông tiền lãi chậm trả kể từ ngày 07/02/2025 ÂL ngày 06/03/2025 DL cho đến thời điểm khởi kiện là ngày 05/01/2026 do ông tạm tính là 09 tháng 30 ngày x 1%/tháng x 120.000.000đ = 12.000.000đ.

+ Tổng vốn và lãi là 132.000.000 đồng, ngoài ra ông yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà T phải trả lãi cho ông đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút lại toàn bộ yêu cầu về lãi suất, không yêu cầu vợ chồng ông C và bà T trả lãi suất. Giữ nguyên yêu cầu của ông Lâm Tuấn P buộc vợ chồng ông Phạm Hùng C và bà Bùi Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho ông P số tiền vay còn nợ là 120.000.000 đồng.

Không đồng ý với yêu cầu của vợ chồng ông C, bà T xin trả một nửa số

tiền gốc là 60.000.000 đồng. Ông khẳng định số tiền 120.000.000 đồng là tiền vay, không phải bao gồm tiền vay, tiền phân bón, thuốc trừ sâu và tiền lãi suất dồn vào.

2/ Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Hùng C trình bày:

Vào những năm 2000 đến năm 2018 ông có mua phân thuốc của ông Lâm Tuấn P là cửa hàng vật tư nông nghiệp. Lúc đầu xong vụ lúa vợ chồng ông trả đầy đủ, tiền phân thuốc cho ông P. Sau này có năm thất mùa, vợ chồng ông không trả đủ tiền thuốc, tiền phân, tiền mượn của ông P. Giai đoạn đầu ông P tính lãi suất 5%/tháng, thời gian này ông có đóng lãi đến năm 2018 thì ông P báo cho ông biết nợ tiền phân, tiền thuốc, tiền mượn trước tổng là 100.000.000 đồng. Nên thời gian này ông P lấy lãi suất 1%/tháng và ông có đóng lãi cho ông P đến ngày 30/02/2022 âm lịch, số tiền lãi đã đóng là 77.000.000 đồng, lúc này ông P báo cho ông biết là vợ chồng ông còn nợ ông P số tiền 120.000.000 đồng, ông P nhiều lần vào nhà ông kêu vợ chồng ông trả tiền là có nhưng do không có khả năng nên ông P buộc ông phải viết tờ giấy có đất lập ngày 30/02/2022 âm lịch, ông viết sẵn tại nhà ông, rồi ông cùng vợ ông là bà Bùi Thị T ký tên vào tờ có đất đem lại nhà ông P đưa cho ông P giữ làm tin, nhưng thực chất là không có có đất, vợ chồng ông vẫn tiếp tục đóng lãi suất 1%/tháng cho ông P. Chứ ngày 30/02/2022 âm lịch vợ chồng ông không có nhận số tiền 120.000.000 đồng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Ông thừa nhận còn nợ ông P số tiền 120.000.000 đồng nhưng gồm tiền vay 35.000.000 đồng, còn lại là tiền phân bón, thuốc trừ sâu và tiền lãi suất nhập vào. Từ ngày 30/02/2022 âm lịch đến ngày 07/02/2025 âm lịch thì vợ chồng ông cũng đã nhiều lần đóng lãi cho ông P tổng số tiền 49.000.000 đồng.

Nay vợ chồng ông thống nhất còn nợ ông P số tiền 120.000.000 đồng nhưng xin ông P cho vợ chồng ông trả một nửa là 60.000.000 đồng vì vợ chồng ông đã đóng lãi cho ông P quá nhiều. Hiện nay gia đình ông khó khăn không có khả năng trả số tiền 120.000.000 đồng.

3/ Tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Phạm Hùng C, xin ông P cho vợ chồng bà trả một nửa là 60.000.000 đồng vì vợ chồng bà đã đóng lãi cho ông P quá nhiều.

4/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn ông P vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tham gia phiên tòa, các bị đơn đều có mặt đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Tuấn P, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Tuấn P. Buộc ông Phạm Hùng C và bà Bùi Thị T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lâm Tuấn P số tiền nợ vay 120.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi suất. Các bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Lâm Tuấn P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Hùng C, bà Bùi Thị T địa chỉ cư trú tại ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ trả lại số tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông P vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Xét rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng đối với số tiền vay 120.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông P yêu cầu ông C và bà T có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc là 120.000.000 đồng; bị đơn ông C và bà T thừa nhận còn nợ ông P số tiền nợ là 120.000.000 đồng nhưng xin trả 60.000.000 đồng vì đã đóng lãi cho ông P quá nhiều. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Nguyên đơn ông P có cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông là tờ cổ đất lập ngày 30/02/2022 âm lịch, được các bên đương sự thừa nhận ông C, bà T viết nội dung cổ đất nhưng thật chất là ngày 30/02/2022 chốt lại số tiền ông C, bà T còn nợ ông P là 120.000.000 đồng. Ông C, bà T hứa đến ngày 30/02/2023 âm lịch sẽ trả lại cho ông P số tiền này nhưng đến nay chưa trả, các đương sự cũng thừa nhận ông P nhiều lần đến nhà vợ chồng ông C, bà T đòi tiền nhưng do vợ chồng ông C, bà T chưa có tiền nên cứ hứa hẹn. Sau khi làm biên nhận ngày 30/02/2022 âm lịch thì vợ chồng ông C, bà T đã đóng lãi suất cho ông P số tiền lãi 1%/tháng đến ngày 07/02/2025 âm lịch thì ngưng. Cho nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Từ đó nguyên đơn ông P yêu cầu bị đơn ông C, bà T trả số tiền vay

120.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét ý kiến của các bị đơn ông C, bà T cho rằng đã đóng lãi suất cho ông P số tiền lãi suất 5%/tháng và số tiền thiếu 120.000.000 đồng gồm tiền vay, tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu và tiền lãi suất cộng dồn vào nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn không thừa nhận số tiền vay 120.000.000 đồng có tiền mua bán, tiền lãi cộng dồn; bị đơn không nhớ đã đóng lãi trên số tiền vốn gốc là bao nhiêu, không chứng minh được số tiền đóng lãi suất vượt quá quy định của pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét. Sau khi viết biên nhận ngày 30/02/2022 âm lịch thì vợ chồng ông C và bà T đã đóng lãi suất cho ông P trên số tiền nợ 120.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng nên Hội đồng xét xử xác định số tiền ông C và bà T nợ ông P là tiền vay và không có căn cứ xác định lãi suất vượt quy định nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét khấu trừ lãi suất.

[4.3] Xét ý kiến của ông C và bà T xin trả một nửa số nợ cho ông P là 60.000.000 đồng nhưng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn ông P không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn ông P không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.295.000 đồng theo biên lai thu số 0000055 ngày 05/01/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Còn bị đơn ông C và bà T cùng liên đới phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí phải chịu là 6.000.000 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Tuấn P về việc buộc bị đơn ông Phạm Hùng C và bà Bùi Thị T trả số tiền nợ vay.

2/ Buộc ông Phạm Hùng C và bà Bùi Thị T cùng có trách nhiệm liên đới phải trả cho ông Lâm Tuấn P số tiền còn nợ gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

3/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Tuấn P về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Hùng C và bà Bùi Thị T trả tiền lãi suất.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lâm Tuấn P không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.295.000 đồng (Ba triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000055 ngày 05/01/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ

+ Ông Phạm Hùng C và bà Bùi Thị T cùng có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng